



ái xì bāo

癌细胞

noun • cancer cell

Example Sentences

ái xì bāo kuò sàn dé hěn kuài

癌细胞扩散得很快。

Cancer cells spread very quickly.

yī shēng zhèng zài yán jiū rú hé yì zhì ái xì bāo de shēng zhǎng

医生正在研究如何抑制癌细胞的生长。

The doctor is studying how to inhibit the growth of cancer cells.

zhè zhǒng xīn yào néng yǒu xiào shā sǐ tǐ nèi de ái xì bāo

这种新药能有效杀死体内的癌细胞。

This new drug can effectively kill cancer cells in the body.

Trace each character, then write the word on your own.

[illegible]